

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2025/DS-PT

Ngày: 24-9-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 381/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đồng Chí T, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Số B, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Số B, ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, Khu phố C, Phường H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đồng Chí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đồng Chí T và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/5/2023 ông Đồng C T có cho anh Trần Xuân K vay số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 02 tháng, cho vay không lãi suất. Mục đích anh K vay số tiền này là để trả chi phí sinh hoạt cá nhân. Khi vay tiền, anh K đã tự viết biên nhận có tiêu đề “Biên nhận mượn tiền” và có bà Trần Thị Lệ T1 là người làm chứng ký tên. Sau khi hết hạn vay tiền, ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh K trả tiền nhưng anh K không trả. Đến đầu năm 2024, ông T đã khởi kiện anh K ra Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thụ lý vụ án dân sự số 69/2024/TLST-DS ngày 22/02/2024. Khi Tòa án giải quyết vụ án, anh K không đến Tòa án mà đến nhà ông T xin ông T rút lại đơn khởi kiện để hai bên thương lượng. Ông T đồng ý nên đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 83/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024.

Tuy nhiên, sau khi ông T rút đơn kiện thì anh K không chịu ngồi lại thương lượng với ông T. Do đó, ngày 16/8/2024, ông T tiếp tục khởi kiện anh K. Ông T yêu cầu anh K phải trả cho ông T số tiền vốn vay 50.000.000 đồng cùng lãi suất vay 10%/năm tính từ ngày 04/7/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 do anh K tự viết và ký tên. Đối với tờ giấy tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ngày 03/7/2024 mà anh K cung cấp: Ông T thừa nhận giấy mượn tiền ngày 03/7/2024 do ông T tự viết, dấu lấn tay, chữ ký và chữ viết họ tên phía dưới mục người mượn là của ông T nhưng ông T không có mượn tiền của anh K mà ông T chỉ viết theo yêu cầu của anh K.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Xuân K trình bày:

Anh thừa nhận ngày 03/5/2023 anh có vay của ông Đồng C T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và anh có viết biên nhận có tiêu đề “Biên nhận mượn tiền” đưa cho ông T giữ để làm tin như ông T đã trình bày, trong biên nhận mượn tiền có bà Trần Thị Lệ T1 ký tên người làm chứng. Đến khoảng tháng 12/2023, anh đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông T. Khi anh trả tiền cho ông T, ông T nói ông sẽ xé biên nhận. Lúc đó anh cũng thấy ông T cầm biên nhận lên xé nên anh tin tưởng ra về và không yêu cầu ông T viết biên nhận nhận tiền. Anh vay tiền và trả tiền đều tại nhà của ông T. Đến đầu năm 2024, ông T khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền vay 50.000.000 đồng. Do anh đã trả tất nợ cho ông T nên anh không đến Tòa án và

anh cũng không có đến nhà ông T để thương lượng như ông T trình bày. Sau đó, ông T đã tự rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 83/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024.

Đến ngày 03/7/2024, ông T đã hỏi vay anh số tiền 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng, mục đích ông T vay số tiền này là để chi tiêu sinh hoạt cá nhân, thời hạn vay là 01 tháng. Khi mượn tiền, ông T có viết biên nhận có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024; giấy mượn tiền này ông T tự viết, ký tên và lấn tay đưa cho anh giữ để làm tin. Do ông T không trả lại số tiền 57.000.000 đồng cho anh nên anh cũng đã nộp đơn khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm vào ngày 13/8/2024.

Đến nay, ông T lại căn cứ vào “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 để yêu cầu anh trả số tiền vay 50.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh không còn nợ tiền ông T. Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh là tờ “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 đã bị xé, tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024 xác định ông T là người nợ tiền anh cùng đoạn tin nhắn qua Zalo giữa ông T với anh có nội dung ông T nợ và hứa trả tiền cho anh. Đối với số tiền vay 57.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024, anh đã kiện ông T bằng vụ án khác và Tòa án cũng đã xét xử nên anh không có yêu cầu gì trong vụ án này, hai khoản tiền này cũng không có liên quan gì nhau. Mục đích anh trình bày khoản tiền vay 57.000.000 đồng này là để chứng minh rằng ông T đang nợ anh chứ không phải anh nợ ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T cho rằng: Trong vụ án này, ông T xác định ông T cho anh K vay tiền. Tại phiên tòa, ông T căn cứ vào Biên nhận mượn tiền ngày 03/5/2023 để yêu cầu anh K trả số tiền vay 50.000.000 đồng cùng lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày xét xử là quyền định đoạt của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Tại quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng C T về việc yêu cầu anh Trần Xuân K trả số tiền vay còn nợ 50.000.000 đồng cùng lãi suất theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/6/2025, nguyên đơn ông Đồng C T nộp đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long), yêu cầu

cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T xác định ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, ông T và anh K không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án; Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày một số căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không phù hợp, cụ thể: Anh K thừa nhận vào ngày 03/5/2023 có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng, biên nhận vay tiền ngày 03/5/2023 do anh K viết, ký tên. Vết rách tại tờ biên nhận có từ ngày đôi bên lập biên nhận do tách trang. Anh K cho rằng đã trả xong cho ông T số tiền vay nói trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không được ông T thừa nhận. Biên nhận vay tiền ngày 03/5/2023 ông T dùng làm căn cứ khởi kiện còn nguyên vẹn về nội dung, việc anh K cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm cho rằng biên nhận có rách ở phần giấy trắng không phạm vào nội dung vay tiền và việc ông T có thiếu tiền anh K ở một giao dịch khác để cho rằng anh K đã thanh toán xong số tiền vay của ông T là không có căn cứ pháp luật. Trên cơ sở trình bày, người đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Anh Trần Xuân K vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Chí T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long) theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Chí T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Đồng C T với anh Trần Xuân K là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh K có nơi cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Giống Trôm. Anh K đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Đồng Chí T căn cứ vào chứng cứ là “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 để yêu cầu anh Trần Xuân K trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng cùng tiền lãi theo mức lãi suất vay 10%/năm tính từ ngày 04/7/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Anh Trần Xuân K thừa nhận anh K có vay số tiền 50.000.000 đồng của ông T vào ngày 03/5/2023, “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 là do anh K tự viết, ký tên. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn anh Trần Xuân K cho rằng anh đã trả số tiền nợ 50.000.000 đồng cho ông T từ tháng 12/2023, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh K là tờ “Biên nhận mượn tiền” ngày 03/5/2023 đã bị xé, tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024 xác định ông T là người nợ tiền anh K cùng đoạn tin nhắn qua Zalo giữa ông T với anh K có nội dung ông T nợ và hứa trả cho anh K 57.000.000 đồng, anh K cho rằng nếu anh K còn nợ tiền ông T thì tại sao ông T không khấu trừ vào số tiền anh K cho ông T vay tại thời điểm viết biên nhận nợ vay tiền của anh K ngày 03/7/2024. Xét lời trình bày của anh K cũng như chứng cứ anh K đưa ra, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh K thừa nhận vào ngày 03/5/2023 có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng, đôi bên có làm biên nhận vay tiền như ông T cung cấp nhưng không có vết rách ở phần giấy trắng (phần giấy không có viết chữ). Anh K cho rằng đã trả xong số tiền vay nói trên cho ông T vào tháng 12/2023 khi trả tiền anh K có thấy ông T xé biên nhận nhưng không để ý là xé toàn bộ hay một phần của tờ biên nhận. Tuy nhiên, lời trình bày của anh K về việc biên nhận tiền vay không có vết rách ở phần giấy trắng và việc anh K đã trả xong số tiền vay cho ông T không được ông T thừa nhận, vậy nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về anh K. Tờ biên nhận do ông T cung cấp có vết rách ở phần giấy trắng (từ dưới lên từ dòng chữ “*thửa 28, tờ 25 ...*” trở lên qua chữ “*Tôi*”), vết rách này hoàn toàn có thể xảy ra khi tách trang, tuy nhiên phần rách là phần giấy không có chữ, không phạm vào nội dung của biên nhận, nội dung vay tiền còn nguyên, rõ nên việc anh K cho rằng do đã trả tiền xong nên ông T xé biên nhận là không có căn cứ chấp nhận

Xét việc anh Trần Xuân K cho rằng anh đã trả số nợ 50.000.000 đồng cho ông T từ tháng 12/2023 với chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh K là tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024 xác định ông T là người nợ tiền anh cùng đoạn tin nhắn qua Zalo giữa ông T với anh có nội dung ông T nợ và hứa trả tiền (57.000.000

đồng) cho anh cũng không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/7/2024 do ông T tự viết, lặn tay và ký tên do anh K cung cấp thể hiện nội dung ông T có mượn anh K số tiền 57.000.000 đồng nên biên nhận này là hoàn toàn độc lập với biên nhận ông T khởi kiện. Tòa sơ thẩm nhận định trường hợp ông T đang là chủ nợ, nếu anh K chưa trả tiền thì tại sao anh K lại trở thành chủ nợ của ông T theo biên nhận 57.000.000 đồng không phải là suy luận pháp định, pháp luật không cấm người đang thiếu nợ cho chính chủ nợ vay tiền, đây là quyền tự định đoạt của đương sự.

Từ những nhận định trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu anh K trả số tiền vay 50.000.000 đồng cùng lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày xét xử (tự nguyên yêu cầu tính tròn tháng đến 04/4/2025) với số tiền tổng cộng là: 50.000.000 đồng + 01 năm 09 tháng tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm x 50.000.000 đồng = 50.000.000 đồng + 8.750.000 đồng = 58.750.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp. Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải nộp án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Chí T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Vĩnh Long).

Căn cứ các Điều 147, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng C T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Trần Xuân K.

1. Buộc anh Trần Xuân K có nghĩa vụ trả cho ông Đồng C T số tiền vay tổng cộng là: 58.750.000 (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó: tiền vay gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, tiền lãi vay là 8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Xuân K có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.937.500 (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Vĩnh Long.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đồng Chí T không phải nộp án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 7 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT & THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên

